

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2025/DS-ST**

Ngày: 23 - 9 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hoạt động cung ứng
dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T1.** Trụ sở: Toà nhà T2, số E phố L, phường C, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: bà Hồ Thị Thanh N, ông Trần Duy Q, bà Trương Thị H, ông Đinh Văn N1, ông Trần Tấn H1, bà Nguyễn Thúy T; địa chỉ liên hệ: Số D đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền số 05/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025, Giấy uỷ quyền số 1373/2025/GUQ-TPB.CM ngày 08/4/2025). Ông Trần Duy Q có mặt

* *Bị đơn:* Ông **Võ Minh P** - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: Số A đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T1 trình bày:

Ngày 20/9/2022, ông Võ Minh P có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng thẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1 (gọi tắt là T3) thông qua hình thức trực tuyến (online). Sau khi đánh giá khách hàng, ngày 21/9/2022 T3 đã chấp thuận đề nghị của ông Võ Minh P, đồng thời phát hành cho ông Võ Minh P một Thẻ tín dụng quốc tế T3 Evo hạng Gold, hạn mức thẻ tín dụng: 40,000,000 đồng, mục đích: Thanh toán, tiêu dùng. Thẻ được phát hành theo hình thức điện tử, thông qua hình thức trực tuyến, xác thực bằng sinh trắc học và mã OTP (mật khẩu sử dụng lần) trên nền tảng ứng dụng của T3. Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch): 29.50% đến tháng 06/12/2022 và 33.60%/năm trở đi. Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phí phạt chậm trả: 4,4% số tiền chậm thanh toán. Phí thường niên: 495,000 đồng/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã giao dịch bằng thẻ với tổng số tiền giao dịch phát sinh là 39.961.000đồng và từ đó cho đến nay ông P không hề thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ngân hàng. Do ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận và ngân hàng đã thông báo, nhắc nợ nhưng không có kết quả nên đến ngày 06/02/2023 T3 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông P sang nợ quá hạn theo khoản 3.b Điều 6 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/04/2025, T3 yêu cầu ông Võ Minh P thanh toán cho T3 tổng dư nợ là 111,321,713 đồng (Trong đó: nợ gốc 39.961.000 đồng; nợ lãi, phí: 71,360,713 đồng). Tại phiên tòa, T3 rút một phần yêu cầu khởi kiện phần lãi chậm thanh toán của ông Võ Minh P với số tiền 12.651.852đồng; nguyên đơn yêu cầu buộc ông Võ Minh P thanh toán cho T3 tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/09/2025 là 98.669.861đồng, trong đó: nợ gốc 39.961.000đồng, nợ lãi trong hạn tính từ ngày 23/09/2022 đến ngày 20/02/2023 là 5.186.505đồng, nợ lãi quá hạn tính từ 21/02/2023 đến ngày 22/09/2025 là 52.088.999đồng, lãi chậm thanh toán tính từ ngày 23/09/2022 đến ngày 20/02/2023 là 938.357đồng, phí thường niên là 495.000đồng và buộc ông Võ Minh P phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại các văn bản ký kết.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử, bị đơn là ông Võ Minh P vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Võ Minh P không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 15 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 về việc buộc ông Võ Minh P trả cho ngân hàng tổng số tiền là 98.669.861đồng, trong đó: nợ gốc 39.961.000đồng, nợ lãi trong hạn 5.186.505đồng, nợ lãi quá hạn 52.088.999đồng, lãi chậm thanh toán 938.357đồng, phí thường niên là 495.000đồng và buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Võ Minh P nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 12.651.852đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi thì thấy:

Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 21/9/2022, bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3 ký kết giữa Ngân hàng TMCP T1 và ông Võ Minh P đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có quyền

và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 91, 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Sau khi được Ngân hàng TMCP T1 cấp thẻ tín dụng, ông Võ Minh P đã thực hiện các giao dịch và phát sinh số tiền nợ 98.669.861đồng, trong đó: nợ gốc 39.961.000đồng, nợ lãi trong hạn 5.186.505đồng, nợ lãi quá hạn 52.088.999đồng, phí phạt chậm trả 938.357đồng, phí thường niên là 495.000đồng. Xét thấy ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 21/9/2022, bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3 và quy định của Điều 280 Bộ luật Dân sự, khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt. Xét mức lãi suất mà ngân hàng đã áp dụng hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ đã yêu cầu và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo các văn bản các bên đã ký kết.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí cụ thể được xác định như sau: $98.669.861 \text{ đồng} \times 5\% = 4.933.493 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 235, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 15 Điều 4 và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 đối với ông Võ Minh P về số tiền lãi chậm thanh toán 12.651.852đồng (Mười hai triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt” đối với ông Võ Minh P.

Buộc ông Võ Minh P trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền nợ 98.669.861đồng (Chín mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi một đồng), trong đó: nợ gốc 39.961.000đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn đồng), nợ lãi trong hạn 5.186.505đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm lẻ năm đồng), nợ lãi quá hạn 52.088.999đồng (Năm mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi chín đồng), tiền lãi chậm thanh toán 938.357đồng (Chín trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi bảy đồng), phí thường niên là 495.000đồng (Bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Ông Võ Minh P tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 21/9/2022, bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ông Võ Minh P phải chịu 4.933.493đồng (Bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí 2.783.043đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn không trăm bốn mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000194 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI